

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Hồ Việt Ân

bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phạm Trần Hải H, sinh năm: 1995, nghề nghiệp: công nhân may; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ H, ấp T, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: tổ 2, ấp N, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, nghề nghiệp: lái xe ô tô; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ H, ấp T, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Trần Hải H trình bày:

Chị và anh T trước đây là vợ chồng, kết hôn vào năm 2013 nhưng do có nhiều mâu thuẫn nên đã thuận tình ly hôn vào ngày 17/4/2015 theo Quyết định số 39/2015/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện CM; sau đó, do vợ chồng cũng vẫn còn tình cảm và nghĩ về con cái nên cuối năm 2015 chị và anh T quyết định chung sống lại với nhau và ngày 14/10/2016 vợ chồng tiến hành đăng ký kết hôn lại, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã X cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 160. Tuy nhiên, sau khi về chung sống lại một thời gian mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục diễn ra và ngày càng trầm trọng hơn; nguyên nhân chủ yếu vẫn là do giữa vợ chồng không có sự thống nhất về quan niệm sống, anh T không sửa đổi tính cách của mình, thiếu sự quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và từ tháng 4/2018 chị dẫn theo các con về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T cũng ít khi ghé thăm vợ con và nếu có ghé thăm vợ chồng cũng không tự hòa giải để đoàn tụ. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung là các cháu Nguyễn Phạm Trúc L và cháu Nguyễn Phạm Trúc L1, cùng sinh ngày: 24/7/2014; chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu L và L1; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Sau khi quay về chung sống lại với nhau một thời gian vì bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt nên chị H đưa con về nhà cha mẹ và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Trong giai đoạn xác minh, thu thập chứng cứ anh T đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao cả 02 con chung là các cháu Nguyễn Phạm Trúc L và Phạm Nguyễn Trúc L1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh sẽ tự cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng của mình. Về tài sản và nợ chung: anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Về quan hệ pháp luật, thủ tục thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh T; về con chung: giao các cháu L và L1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T; về tài sản chung và nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét; chị H chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Phạm Trần Hải H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn T và được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T không đồng ý ly hôn. Đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Về tư cách tham gia tố tụng: chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T nên xác định chị H là nguyên đơn và anh T là bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Chị Phạm Trần Hải H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 160 ngày 14/10/2016 (BL 03); trước lần kết hôn này anh chị đã từng kết hôn với nhau nhưng đã ly hôn, thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn lần này được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hiện tại của chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Trần Hải H nhận thấy: chị H và anh T đều xác định cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan niệm sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong chăm sóc gia đình, con cái, từ tháng 4/2018 đến nay chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân. Quá trình thu thập chứng cứ anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng nên vợ chồng không còn sống chung và đồng ý ly hôn (BL 20, 22), tuy nhiên tại phiên tòa anh T thay đổi ý kiến, anh thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay nhưng không đồng ý ly hôn vì lý do anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị H. Xét trình bày của anh T nhận thấy: do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H và

anh T đã từng yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn; tại phiên tòa, cả hai đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn hiện nay cũng chính là những mâu thuẫn tồn tại từ lần hôn nhân trước mà hai người không thể khắc phục được và trong thời gian vợ chồng ly thân cho đến nay anh T cũng chỉ thỉnh thoảng ghé nhà cha mẹ chị H để thực hiện nghĩa vụ thăm nom con cái, cả hai không hề hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng; quá trình Tòa án tổ chức các phiên hòa giải anh T đều vắng mặt không lý do; điều này chứng tỏ việc anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn là không đúng. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử quyết định cho chị H ly hôn anh T là phù hợp.

Về yêu cầu quyền được trực tiếp nuôi con chung: chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung, anh T đồng ý với yêu cầu này, xét thấy trong quá trình ly thân chị H vẫn đảm bảo chăm sóc tốt 02 cháu L và L1 nên HĐXX chấp nhận giao các cháu cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu và anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: chị H nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về quan điểm của VKS: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Trần Hải H ly hôn anh Nguyễn Văn T;

- Về con chung: giao 02 cháu Phạm Nguyễn Trúc L, sinh ngày: 24/7/2014 và Phạm Nguyễn Trúc L1, sinh ngày: 24/7/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng;

Tạm thời không buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

- Về án phí: chị Phạm Trần Hải H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp

tại biên lai thu tiền số 004279 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM; chị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam